

NGƯỜI HOA Ở NAM ĐỊNH (CŨ) QUA TƯ LIỆU HÁN NÔM

Phan Thị Hoa Lý

Tóm tắt:

Bài viết khảo cứu hệ thống tư liệu Hán Nôm địa phương, bao gồm: thần tích, ngọc phả, gia phả, câu đối, địa phương chí... qua đó, phục dựng bức tranh về lịch sử di cư của người Hoa đến tỉnh Nam Định cũ (nay là tỉnh Ninh Bình). Bài viết cho thấy, người Hoa không chỉ xuất hiện sớm ở Nam Định mà còn để lại dấu ấn rõ nét trong đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội của vùng đất này.

Từ khóa: Người Hoa, Di cư, Nam Định (cũ), Tư liệu Hán Nôm

*

Mở đầu

Nam Định trước đây là một tỉnh ven biển, nằm ở phía Đông Nam đồng bằng sông Hồng, có diện tích 1.637,4km² với đường bờ biển dài 72km, dân số năm 2019 là 1.780.393 người (Tổng cục Thống kê 2020: 21). Thực hiện Nghị quyết số 6-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, từ tháng 07 năm 2025, Nam Định hợp nhất với các tỉnh Hà Nam và Ninh Bình thành tỉnh Ninh Bình mới. Tuy nhiên, trong bài viết này, do nghiên cứu đã được tiến hành trước thời điểm sáp nhập tác giả sẽ sử dụng tên địa danh hành chính theo tỉnh cũ, song có chú thích địa danh mới.

Trong lịch sử, Nam Định có hệ thống sông ngòi, bến cảng dày đặc (sông Hồng, sông Đào, sông Đáy), rất thuận lợi cho giao thông vận tải đường thủy. Nơi đây từng là một trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa sôi động và quan trọng của khu vực Bắc Bộ, thu hút nhiều thương nhân tới sinh sống, làm ăn, buôn bán, trong đó có người Hoa. Tại Nam Định, người Hoa đã có mặt từ rất sớm. Quá trình di cư của họ đến vùng đất này diễn ra liên tục, qua nhiều thời kỳ. Hầu hết các đợt di cư của người Hoa đến Việt Nam đều có người Hoa di cư đến Nam Định.

Hiện nay, thông tin về người Hoa ở Nam Định cũ nói chung hay về quá trình di cư của họ tới vùng đất này nói riêng vẫn còn hạn chế, tính đến thời điểm hiện tại, mới chỉ có một vài công trình nghiên cứu/bài viết được công bố như: *Thần tích đền Thiên Hậu - dấu tích xã Minh Hương xưa* của Nguyễn Hồng Mao (1997), *Quá trình tụ cư của người Hoa ở Nam Định* của Trần Thị Thái Hà (2011), *Đền Hàng Sắt Dưới - Di sản văn hóa Thành Nam* của (Song Thọ 2012), *Độc đáo món mì văn thần của gia đình người Hoa ở thành phố Nam Định* của Hoa Xuân (2015), *Sự giao lưu văn hóa trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu* của Phan Thị Hoa Lý và Bùi Thị Thiên Thai (2022), *Dấu ấn ẩm thực người Hoa trên phố cổ Thành Nam xưa* của Tâm Minh (2023), *Trăm năm thương nhớ sù châu, xúu páo* của Trần Kiệt (2024) và *Công trình kiến trúc độc đáo của người Hoa ở Nam Định* của Lương Hà (2025).

Trong bài viết này, tác giả tập trung phác họa lịch sử di cư của người Hoa đến Nam Định qua đó phần nào thấy được sự tham gia của người Hoa vào các mặt của đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương. Bài viết sử dụng kết quả khảo cứu các nguồn tư liệu Hán Nôm như thần tích, thần sắc, ngọc phả, câu đối

và sách địa phương chí. Để tiện theo dõi, tác giả sẽ phân chia lịch sử di cư của người Hoa đến Nam Định thành năm giai đoạn dựa trên đặc điểm di cư.

1. Giai đoạn từ thế kỉ X trở về trước

Một số công trình nghiên cứu cho rằng, các làn sóng di cư của người Hoa đến lãnh thổ Âu Lạc (vùng đất tương ứng với một phần miền Bắc Việt Nam ngày nay) đã bắt đầu từ cuối thế kỉ III TCN, gắn liền với cuộc xâm lược của nhà Tần do Tần Thủy Hoàng phát động. Từ thời điểm đó cho đến khoảng thế kỉ thứ X, Âu Lạc trở thành nơi cư trú của nhiều nhóm người gốc Hoa, bao gồm dân tị nạn chính trị, người di cư tự do, thợ thủ công, thương nhân và binh lính đồn trú (Châu Hải 1992; Nguyễn Văn Huy 1993). Một bộ phận trong số này sống xen cư với cư dân bản địa, kết hôn với người sở tại và dần dần hòa nhập vào cộng đồng địa phương. Theo các ghi nhận lịch sử, vào thời điểm này, trên lãnh thổ Việt Nam có đến hàng chục vạn người gốc Hoa. Khi Ngô Quyền giành lại quyền tự chủ, ông đã cho đưa trở về Trung Hoa 87.000 người, còn những người tự nguyện ở lại thì được ghi tên vào sổ đinh và được đối xử như các cư dân Việt (Trần Khánh 2001, 2002; Dương Văn Huy 2023).

Tư liệu Hán Nôm còn lại liên quan đến sự hiện diện của người Hoa ở Nam Định cũ trong giai đoạn này không nhiều và nội dung chủ yếu phản ánh các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của cư dân địa phương. Theo ghi chép của Nguyễn Ôn Ngọc, người Hoa có mặt ở khu vực này từ rất sớm, ít nhất là từ thời Tần Thủy Hoàng (259-210 TCN), gắn với hoạt động quân sự và hành chính của nhà Tần tại Giao Châu. Một tài liệu được ông trích dẫn cho biết: “*Tần Thủy Hoàng sai Nhâm Hiệu làm Thái thú Giao Châu, thuyền đi qua đây không tiến lên được, mới gọi chỗ này là đất Đại Ác rồi đặt tên huyện luôn*” (Nguyễn Ôn Ngọc 1893: 51). Về mặt địa danh, Đại Ác là tên một cửa biển, tương ứng với cửa Lạch Giang, nơi sông

Ninh Cơ đổ ra biển Đông. Đây cũng là khu vực phân chia ranh giới giữa hai huyện Nghĩa Hưng và Hải Hậu của tỉnh Nam Định cũ, hiện thuộc địa bàn các xã Rạng Đông và Hải Thịnh, tỉnh Ninh Bình. Những ghi chép này cho phép giả định rằng người Hoa đã hiện diện ở khu vực Nam Định từ thế kỉ thứ III TCN, sớm hơn so với ý kiến cho rằng: “*Người Hoa đầu tiên ở Nam Định được tư liệu Hán Nôm của địa phương ghi nhận có lẽ là Trần Lâm - một trong mười hai sứ quân ở thế kỉ X*” (Trần Thị Thái Hà 2011: 53).

Đến thời nhà Hán (202 TCN - 220), dấu ấn của các cuộc xâm lược từ phương Bắc tiếp tục được phản ánh trong truyền thuyết dân gian và hệ thống địa danh trên địa bàn huyện Vụ Bản cũ (nay thuộc các xã: Minh Tân, Hiền Khánh, Vụ Bản, Liên Minh). Tư liệu Hán Nôm địa phương ghi chép về một vị tướng họ Lữ với nội dung như sau: “*Ngày xưa Lữ Gia đánh nhau với quân Hán bị thua, bị chém mất đầu nhưng còn chạy về được tới xã Đăng Gôi mới ngã ngựa chết, thường hiển rõ linh ứng. Dân chúng dựng đền lên ở chân núi Gôi để phụng thờ*” (Nguyễn Ôn Ngọc 1893: 44-45). Cũng tại huyện Vụ Bản, địa danh núi Trang Nghiêm được truyền tụng là nơi vị tướng này bị quân Hán bắt: “*Tương truyền tướng nhà Triệu là Lữ Gia bị quân nhà Hán bắt ở đây. Trên núi có chùa Bảo Đài. Chân núi có đền thờ thần núi*” (Nguyễn Ôn Ngọc 1893: 37).

Cuối thế kỉ X, thời kỳ nhà Tống xâm lược Đại Cồ Việt, khu vực này tiếp tục lưu giữ truyền thuyết phản ánh các cuộc chiến tranh vệ quốc. Theo sách địa phương chí, khi quân Tống kéo sang xâm lược, vua Lê Đại Hành đã sai quân đem hơn một trăm chiến thuyền tiến về khu vực núi Dục Thúy (còn gọi là núi Non Nước), cho đóng cọc chặn sông. Khi thuyền vua đến đây thì không thể tiếp tục di chuyển, bỗng xuất hiện ba con rồng vàng từ giữa sông nhảy vào hang núi. Hỏi dân địa phương, vua được biết trong hang có thờ ba phủ gồm Thiên

phủ, Địa phủ và thủy phủ, vốn được coi là rất linh thiêng, nên đã đích thân vào hang cầu đảo. Khi vua trở ra, ba con rồng hiện lên đội thuyền vua tiến ra biển. Sau khi thắng trận, trên đường hồi quân, khi thuyền đến cửa Đại Ác thì trời tối, thuyền không thể đi tiếp. Đêm đó, vua mộng thấy thần tự xưng là Thiên La và Địa La, xuống trần gian giúp nước, cứu dân. Vua bèn truyền cho dân lập đền thờ tại xã Hạ Kỳ (Nguyễn Ôn Ngọc 1893). Sự kiện này cũng được Khiếu Năng Tĩnh ghi chép lại trong trước tác của mình (Khiếu Năng Tĩnh: 141). Theo các tài liệu địa phương, xã Hạ Kỳ trước thuộc tổng Thượng Kỳ, huyện Đại An, sau đó thuộc huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định cũ.

Từ những tư liệu trên có thể thấy rằng, các ghi chép Hán Nôm địa phương liên quan đến người Hoa và các thế lực phương Bắc trong giai đoạn từ thế kỉ X trở về trước không nhiều và phần lớn đều gắn với bối cảnh các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược của cư dân bản địa.

2. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV

Các nghiên cứu chỉ ra rằng, từ thế kỉ X đến XIV, số lượng người Hoa di cư tới Việt Nam có xu hướng gia tăng, do có những biến động lớn về chính trị - xã hội tại Trung Quốc. Thành phần di dân trong giai đoạn này đa dạng, bao gồm những người tị nạn chính trị, người di cư tự do và các thương nhân. Một số tướng lĩnh, quan lại người Hoa đã được nhà Trần cho phép định cư ở Thăng Long, tiêu biểu như nhóm của Hoàng Vĩnh Mạc (năm 1257), hay các nhóm Đỗ Tôn, Trọng Trung và Tăng Uyên Tử (năm 1276). Bên cạnh đó, một bộ phận trí thức, quan lại người Hoa còn được triều đình nhà Trần trọng dụng, bổ nhiệm giữ các chức vụ trong bộ máy nhà nước, qua đó tạo điều kiện để họ hội nhập sâu vào xã hội đương thời (Châu Hải 1992; Nguyễn Văn Huy 1993; Trần Khánh 2001, 2002).

Các tư liệu Hán Nôm địa phương thế kỉ X cho thấy, dòng di dân người Hoa đến

Nam Định cũ về cơ bản có những đặc điểm tương đồng với quá trình di cư của người Hoa vào Việt Nam nói chung. Thần tích đình Xám (thôn Lạc Đạo, xã Hồng Quang, huyện Nam Trực) và ngọc phả đình Nhuệ Khê (xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc) đều ghi nhận về nhân vật lịch sử Trần Lãm. Các tư liệu này cho biết ông là người Quảng Đông (Trung Quốc), sinh năm 907. Đến năm 921, khi mới 14 tuổi, ông cùng gia đình di cư đến cửa biển Bồ Hải (thuộc thành phố Thái Bình cũ; nay là các phường: Thái Bình, Trần Lãm, Trần Hưng Đạo, Trà Lý, Vũ Phúc của tỉnh Hưng Yên), sinh sống bằng nghề đánh cá. Nhờ hoạt động kinh tế thuận lợi, Trần Lãm dần trở nên giàu có và sau đó trở thành một sứ quân ở vùng duyên hải Nam Định - Thái Bình. Ông đã liên kết với Đinh Bộ Lĩnh, góp phần xây dựng căn cứ và tham gia vào quá trình thống nhất đất nước. Theo truyền tụng địa phương, trong một lần đi qua Lạc Đạo, Trần Lãm đã ở lại giúp dân đắp đập, đào sông, dựng/lập làng xã. Sau khi mất tại đây, ông được cư dân của các làng trong vùng lập đền thờ phụng, hằng năm tổ chức lễ hội tưởng niệm (dẫn theo Trần Thị Thái Hà 2011: 53). Ghi chép của Khiếu Năng Tĩnh thì viết, các xã Vân Cù (huyện Nam Trực) và Kỳ Bồ, Bồ Xuyên (thuộc thành phố Thái Bình cũ) hằng năm đều rước kiệu Trần Lãm về Lạc Đạo dự lễ hội nhân dịp kỉ nhật vào ngày 10 tháng 10 âm lịch. Tư liệu này còn cho biết thêm, sau khi Trần Lãm qua đời, người dân sở tại an táng ông tại Mả Râm; về sau vua Đinh Tiên Hoàng đã cho tu sửa nơi ở cũ của ông thành đền thờ, đặt lệ quốc tế (Khiếu Năng Tĩnh: 123). Những ghi chép và truyền tích liên quan đến Trần Lãm còn cho thấy sự hiện diện sớm và vai trò đáng kể của người gốc Hoa trong tiến trình lịch sử khu vực ven biển Nam Định - Thái Bình từ thế kỉ X, đồng thời phản ánh quá trình hội nhập và bản địa hóa của các nhóm cư dân này trong không gian xã hội - văn hóa Đại Việt.

Thế kỉ X còn ghi nhận dấu vết hiện diện của người Hoa tại vùng đất thuộc huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định cũ. Một số tài liệu Hán Nôm cùng chép về nguồn gốc ngôi chùa Đông Minh, gắn với một nhân vật được cho là người Trung Quốc. Theo đó, vào thời nhà Đinh (968-980), có một người Trung Quốc tên là Đông Minh, khi đi qua xã Tử Giá (thuộc xã Nam Hoa, huyện Nam Trực cũ, nay thuộc xã Nam Ninh, tỉnh Ninh Bình), nhận thấy khu đất có thế đẹp, đã dựng tại đây một ngôi chùa và lấy tên mình đặt cho chùa. Trong chùa có đặt một con cóc bằng đá dài hai thước, được xem là rất linh thiêng, không ai dám mạo phạm. Đến cuối thời Lê, truyền thuyết lại kể rằng có một người Trung Quốc khác tìm đến chùa, chỉ vào con cóc đá và cho rằng đó là vật do tổ tiên mình để lại, yêu cầu hoàn trả những thứ còn lưu giữ bên trong. Sau lời nói ấy, con cóc đá được cho là phát ra tiếng động, bụng vỡ ra lộ nhiều tiền bạc. Người khách lấy số bạc này để tu sửa chùa rồi rời đi. Vị sư trụ trì sau đó thuê người làm một con cóc khác bằng gốm thay thế (Khiếu Năng Tĩnh: 124-125; Nguyễn Ôn Ngọc 1893: 102 - 103). Những ghi chép trên, dù mang màu sắc truyền thuyết, vẫn phản ánh ký ức cộng đồng về sự hiện diện của người Hoa và vai trò của họ trong việc hình thành không gian tín ngưỡng Phật giáo tại địa phương từ khá sớm.

Sang thời Lý (1009 - 1225), các tư liệu Hán Nôm tiếp tục cho biết về sự hiện diện của người gốc Hán tại khu vực thành phố Nam Định cũ (nay là phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình). Trường hợp bà Dương Thị Mỹ, được ghi nhận là người Hán và là vợ thứ của Đoàn Thượng, cho thấy một dạng thức cư trú gắn với hoàn cảnh biến động chính trị. Theo ngọc phả đình Vị Xuyên, bà đã đến đây lánh nạn, dựng chùa và truyền dạy cho dân các nghề thủ công như dệt vải, mộc và rèn. Để ghi nhớ công lao ấy, dân làng đã lập phủ Khóai Đồng để thờ bà. Ngọc phả chép: *“Tị quốc nạn, bí tính danh, Đoàn môn trắc thất. Giáo dân ấp, hưng công*

nghệ, Lý đại danh nhân” (Lánh nạn nước, giấu tên tuổi, làm vợ thứ nhà họ Đoàn. Dạy dân thôn ấp, hưng thịnh nghề thủ công, thật là bậc danh nhân thời Lý - Bùi Thị Thiên Thai dịch) (Thành ủy, HĐND, UBND TP. Nam Định 2012: 24, 147). Trường hợp này không chỉ phản ánh sự hiện diện của người Hoa mà còn cho thấy sự tham gia của họ vào đời sống kinh tế - văn hóa địa phương.

Bên cạnh đó, các ghi chép Hán Nôm cũng cho biết từ thế kỉ XIII, khu vực thành phố Nam Định cũ còn tiếp nhận một lớp cư dân người Hoa khác, chủ yếu là những người gốc nhà Tống di cư sang Đại Việt trong bối cảnh nhà Nguyên chiếm quyền tại Trung Quốc. Bản thần phả lưu tại hội quán Phúc - Triều - Huệ (nay là đền Hàng Sắt, thành phố Nam Định) cho biết, người Hoa tới trấn Sơn Nam Hạ từ cuối thời Tống. Trong số đó, ông Triệu Trung, do căm giận quân Nguyên, đã sang Nam triều, theo Trần Quang Khải tham gia kháng chiến và lập được nhiều công lao, được triều Trần phong cho mỹ tự là *“Hiệu trung Trợ thuận Dũng nhuệ Tôn thần”*. Sau này, ông được phối thờ cùng Trần Quang Khải tại xã Cao Đường (sau là thôn Cao Đài, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc cũ) (dẫn theo Trần Thị Thái Hà 2011: 54; Song Thọ 2012: 45). Sách của Khiếu Năng Tĩnh cũng chép rằng Triệu Trung là tướng nhà Tống, tham gia đánh quân Nguyên trong trận Hàm Tử; sau khi mất, ông được phối thờ cùng Trần Quang Khải và tại tổng Cao Đài còn nhiều nơi thờ ông (Khiếu Năng Tĩnh: 116, 107 - 108). Những tư liệu này cho thấy, ngoài vai trò quân sự, người Hoa di cư đến Nam Định còn để lại dấu ấn rõ nét trong không gian tín ngưỡng của địa phương.

Bên cạnh các thần phả, tại hội quán Phúc - Triều - Huệ nói trên còn lưu giữ cuốn tộc phả của dòng họ Vương, do Vương Mộng Diệp biên soạn. Tộc phả chép rằng, tổ tiên của dòng họ là Vương Hóa, người Trung Quốc, sống vào thời Tống. Khi theo cánh quân của

Vi Trí Cương tiến đánh đất Lạng Châu, ông đã rời bỏ ngũ, chạy xuống vùng đất Vị Hoàng (tiền thân của thành phố Nam Định cũ) để lánh nạn và sau đó định cư lâu dài tại đây (Thành ủy, HĐND, UBND TP. Nam Định 2012: 24). Như vậy, bên cạnh các nhóm di dân có tổ chức hoặc được triều đình Đại Việt tiếp nhận, còn tồn tại một bộ phận người Hoa di cư mang tính cá nhân, gắn với hoàn cảnh chiến tranh và sự tan rã của các thế lực quân sự ở phương Bắc.

Cũng trong bối cảnh thời Trần các tư liệu Hán Nôm còn cho biết về sự hiện diện của một nhóm người Hoa khác tại khu vực Vị Hoàng, mưu sinh bằng hoạt động buôn bán. Một người trong số đó đã làm bài thơ “Tha hương tức sự”:

“Phiên âm:

Tha hương tức sự

*Từ biên thùy bích tiếp thiên thanh
Giang thị ngư thôn nhiều thổ thành
Khang Kiện, Qua Châu Nam Bắc cận
Vĩnh Ninh, Bình Giã trại khu trình
Thiên niên Dương Xá phồn hoa cảnh
Nhất thế Trần gia đại mộc kinh
Thương mai chí kim nan đắc trụ
Tha hương hà dị cố hương sinh.*

Tạm dịch:

Về sự xa quê

Bốn bề nước biếc với trời xanh
Bến chợ xóm chài vây thổ thành
Khang Kiện, Qua Châu Nam, Bắc cận
Vĩnh Ninh, Bình Giã trại vòng quanh
Ngàn năm Dương Xá phồn hoa cảnh
Một nếp Trần gia rạng rỡ danh
Buôn bán giờ đây rầy khó quá
Tha hương tất khổ ấy cũng đành”

(Dẫn theo Thành ủy, HĐND, UBND TP. Nam Định 2012: 147-148).

Trong giai đoạn này, tư liệu Hán Nôm còn đề cập đến một nhóm người Hoa di cư tới khu vực xã Phương Định, huyện Trực Ninh cũ, nay thuộc xã Ninh Giang, tỉnh Ninh Bình. Chính nhóm cư dân này là những người đã dựng chùa Thanh Quang - một ngôi chùa

hiện vẫn còn tồn tại. Sách của Khiếu Năng Tĩnh ghi chép như sau: “Chùa tọa lạc tại xã Phương Đề, do người Tống di cư dựng lên khi lánh nạn giặc Nguyên. Đền quăng niên hiệu Quang Bảo làm to lên, có một tòa bảo điện, trước sau, phải trái nhà mái tiếp nhau, quy chế mộc mạc nếp cổ. Trong chùa có hai cái chèo, thân nhô hình rồng nổi, lại có một cái chèo khác, thân có chữ Phật, có lẽ do người Bắc quốc để lại” (Khiếu Năng Tĩnh: 130). Nguyễn Ôn Ngọc cũng chép về ngôi chùa này với nội dung tương tự, cho rằng, chiếc bình có chữ Phật nói trên “là đồ xưa của Tàu” (Nguyễn Ôn Ngọc 1893: 33). Tất cả những chi tiết này cho thấy dấu ấn vật chất và văn hóa của người Hoa di cư được lưu giữ khá rõ trong không gian Phật giáo tại địa phương.

Bên cạnh đó, các tư liệu Hán Nôm còn ghi chép về đền Phương Giang ở cửa Lác Môn (cửa Nhac), thuộc xã Trực Hùng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định cũ, nay là xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình. Qua các ghi chép này, có thể xác định rằng khoảng cuối thế kỉ XIII, đầu thế kỉ XIV, đã có một nhóm người Hoa di cư đến khu vực này và dựng đền để thờ bốn mẹ con bà Hoàng hậu nhà Tống. Tư liệu còn cho biết, hệ thống đền thờ Tống Hậu phân bố dọc theo tuyến ven biển, từ cửa Càn Hải (Nghệ An), qua Thanh Hóa đến Nam Định cũ và được nhiều triều vua Đại Việt sắc phong (Khiếu Năng Tĩnh: 148; Nguyễn Ôn Ngọc 1893: 48). Những ghi chép trên không chỉ cung cấp thông tin về thời điểm và địa bàn cư trú của người Hoa di cư, mà còn hé lộ nguồn gốc, hành trình lan tỏa của tín ngưỡng mà họ mang theo, cũng như ứng xử của chính quyền phong kiến sở tại đối với tín ngưỡng ngoại nhập này.

Từ những tư liệu nêu trên có thể thấy, trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIV đã diễn ra nhiều đợt người Hoa di cư đến vùng đất Nam Định cũ, cư trú tại khu vực thành phố và các huyện: Mỹ Lộc, Nam Trực, Trực Ninh; trong đó, khu vực thành phố

Nam Định cũ là nơi tập trung đông người Hoa hơn cả. Thành phần di cư cũng đa dạng, bao gồm cả trí thức, tướng lĩnh, thương nhân và ngư dân. Một số nhân vật đã tham gia vào bộ máy của chính quyền phong kiến Đại Việt, có đóng góp đáng kể và được cộng đồng địa phương thờ phụng, tiêu biểu như Trần Lãm, Triệu Trung và bà Dương Thị Mỹ. Bên cạnh đó, các nhóm di dân này còn mang đến địa phương một số nghề thủ công như dệt, mộc, rèn đồng thời tham gia xây dựng một số chùa, miếu, đền đài. Các ghi chép còn cho thấy, trong giai đoạn này, tín ngưỡng thờ Tống Hậu bắt đầu được du nhập và từng bước định hình vị trí trong đời sống văn hóa - tín ngưỡng của cư dân địa phương.

3. Thời kì từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVI

Sau khi đánh bại quân Minh, nhà Hậu Lê đã áp dụng chính sách quản lý đối với người Trung Quốc di trú. Các đối tượng như tù binh, hàng binh và một số thương nhân xin ở lại Đại Việt đều bị kiểm soát nghiêm ngặt; không được tự do đi lại, phải tuân thủ trang phục, sinh hoạt theo tập quán của người Việt, đồng thời cư trú xen kẽ với cư dân bản địa. Chính sách quản lý khắt khe đã khiến cho dòng di cư của người Hoa vào Đại Việt trong các thế kỉ XV-XVI có xu hướng chững lại so với các giai đoạn trước.

Sách sử cho biết, sau thắng lợi trước quân Minh, tại vùng Thiên Trường và các khu vực lân cận có một bộ hàng binh được giữ lại sinh sống. Sách chép: *“Bấy giờ những người đã đầu hàng ở các thành cả nam lẫn nữ gồm hơn 6.000 người. Vương sai các lộ Thiên Trường, Kiến Xương, Lý Nhân và Tân Hưng thu lấy mà nuôi dưỡng, đừng để cho họ long đong, không yên chỗ”* (Quốc sử quán triều Nguyễn (1856-1881): 381).

Tư liệu Hán Nôm tại tỉnh Nam Định cũ cũng phản ánh thực trạng tương tự. Trong các thế kỉ XV, XVI dường như không có ghi nhận việc di cư của người Hoa trực tiếp từ Trung Quốc đến khu vực này. Thay vào đó, tư liệu

chỉ đề cập đến một nhóm người Hoa ở huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An) di chuyển ra sinh sống tại xã Ninh Cường, thuộc huyện Trực Ninh cũ, nay thuộc xã Ninh Cường mới, tỉnh Ninh Bình. Nhóm cư dân này đã dựng nên ngôi đền Tống Hậu để thờ Hoàng hậu nhà Tống, tiếp tục duy trì một dòng tín ngưỡng vốn đã xuất hiện ở khu vực ven biển Bắc Bộ từ các thế kỉ trước (Khiếu Năng Tĩnh: 128).

4. Thế kỉ XVII - XVIII

Giữa thế kỉ XVII, sự sụp đổ của triều Minh và việc nhà Thanh lên thay (1644) đã tạo ra một làn sóng di cư mới của người Hoa ra bên ngoài Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, tại Đại Việt, nhà Lê - Trịnh thực thi chính sách kiểm duyệt gắt gao đối với thương nhân ngoại quốc, hạn chế hoạt động của họ tại Thăng Long. Do vậy, trong giai đoạn này, người Hoa di cư tập trung nhiều tại Phố Hiến đồng thời có một bộ phận di chuyển tới các địa phương khác, trong đó có Nam Định cũ.

Ghi chép của Khiếu Năng Tĩnh cho biết, đến thời Lê - Trịnh, xuất hiện một lớp di dân người Hoa đến xã Ninh Cường sinh sống, kết hôn với người sở tại và định cư lâu dài. Sách viết: *“Đền Tống Hậu: Thờ vị hoàng hậu thời Tống. Đền dựng lên từ thời Lê do người buôn bán ở Quỳnh Lưu cư trú thờ tự, đến thời Lê - Trịnh cũng có một số dân Quảng Đông ở, họ lấy vợ người sở tại rồi không đi đâu nữa”* (Khiếu Năng Tĩnh: 128). Đỗ Huy Cảnh - một cử nhân ở thời Nguyễn đã làm thơ vịnh về ngôi đền này như sau:

“Phiên âm:

*Ninh Cường Tống Hậu từ
Mạc triều Càn hải tứ gia nhân
Sơ dĩ thương lai kiến nhất lân
Bốc trúc mẫu từ tư hữu bản
Hoa hương chỉ đảo đắc ban ân
Bắc khách cửu cư mưu thủ thiếp
Nam nhân diệc phụng khởi phương thần
Thanh đài cổ sắc chiêm giai kính
Giang thị đồng hưu vạn thế xuân.*

Tạm dịch:

*Đời Mạc bốn nhà ở Càn hải
Buôn bán thành ra có một làng
Thờ Mẫu lập đền do nhớ gốc
Mong phò thường nghị tới dâng nhang
Lại còn khách Bắc tìm đôi lứa
Đến lễ dân Nam chẳng rẽ riêng
Dấu cỏ rêu xanh càng thấy thú
Cùng sông cùng chợ mãi thiêng liêng”*

(Khiếu Năng Tĩnh: 128-129).

Bài thơ không chỉ xác nhận lại những ghi chép trong địa phương chí về lai lịch của ngôi đền mà còn cho thấy sự tham gia của cư dân người Việt trong sinh hoạt tín ngưỡng tại đây, phản ánh mối quan hệ tương đối hòa hợp giữa hai cộng đồng từ thời Lê - Trịnh.

Cuốn sách của Khiếu Năng Tĩnh còn ghi lại một đoạn tư liệu quan trọng phản ánh tình đoàn kết, gắn bó giữa cộng đồng Hoa - Việt tại Ninh Cường, được vua Tự Đức khen ngợi bằng thơ: Sách viết: *“Tại xã Ninh Cường, huyện Trực Ninh: Từ thời Lê xưa, người Nam kẻ Bắc theo đường sông tới tụ hội ở ăn buôn bán, dưới nước tôn thờ Dương hậu thời Tống. Nhiều khi có kẻ xúi giục chia rẽ khách dân, phương dân nhưng từ chánh tổng, lý trưởng đều không bới sự đánh đấm nhau, cùng nhau sánh vai làm ăn, đoàn kết gánh vác sự vụ. Thời vua Tự Đức, quan Khâm sai đem việc tâu vua. Lân vua ra Bắc có đến làm bài ngự chế khen treo ở đình:*

“Phiên âm:

*Bất thính tha ngôn ngữ, do tuần cổ lệ thi
Bắc nhân lai mậu dịch, Nam địa sản
miền ti*

*Dĩ thiện vi căn bản, hành nhân tị thị phi
Vô quai thân tục hữu, vô phá hiếu tâm quy
Đồng cư đồng đảm trách, hà nhẫn hựu
phân kì.*

Tạm dịch:

*Chẳng nghe ai xúi những lời, vẫn nơi lệ
cổ yên vui mà làm*

*Bắc thì buôn bán có hàng, Nam thì trồng
cấy tơ vàng bông thò*

*Lấy điều lành để hẹn hò, vì nhân tránh
việc mơ hồ khen chê*

*Cùng nhau gánh vác nặng nề, ở ăn sao
lỡ tính bề phân chia”*

(Khiếu Năng Tĩnh: 81).

Sau năm 1741, trấn Sơn Nam được tách thành Sơn Nam Thượng lộ và Sơn Nam Hạ lộ trong đó Vị Hoàng trở thành trị sở của Sơn Nam Hạ. Với vị thế hành chính mới cùng những điều kiện sẵn có, Vị Hoàng nhanh chóng phát triển thành trung tâm của Sơn Nam Hạ, thu hút nhiều Hoa thương tới đây buôn bán. Trong khi đó, từ cuối thế kỉ XVIII, Phổ Hiến bắt đầu suy tàn, hoạt động thương mại gặp nhiều khó khăn khiến một bộ phận người Hoa ở Phổ Hiến di cư đến các nơi khác, trong đó có Nam Định cũ. Đồng thời, từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX, tình trạng đất chật người đông và sự biến đổi kinh tế-xã hội tại miền Nam Trung Quốc cũng góp phần thúc đẩy làn sóng di cư của người Hoa sang khu vực Đông Nam Á, trong đó có nước ta. Ghi chép của Khiếu Năng Tĩnh cho biết, từ đời Cảnh Hưng (1740 - 1786), cộng đồng Hoa kiều đã xây dựng nghĩa địa riêng tại thôn Trọng Đức; đến năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749), nhóm người Hoa từ Nghệ An tới cư trú tại Vị Hoàng đã dựng đền Giếng ở phố An Lạc còn gọi là Đồng Lạc (tức đường Hoàng Văn Thụ, TP. Nam Định cũ) để thờ Quan Công, Thiên Hậu và Thổ địa (Khiếu Năng Tĩnh: 114). Sự xuất hiện của các công trình này cho thấy quá trình định cư ổn định và tổ chức cộng đồng của người Hoa tại khu vực đô thị. Cặp câu đối tại hội quán Việt Đông xưa (đền Hội Quảng nằm trên đường Hoàng Văn Thụ ngày nay) là một minh chứng khác cho sự tụ cư đông đúc của người Hoa tại TP. Nam Định cũ vào cuối thế kỉ XVIII. Câu đối có nội dung như sau:

“Phiên âm:

*Lịch kỉ phiên lai vàng hóa cư, Gia
Khánh sơ niên dân hữu hội*

*Tống thứ hậu ưu hoàn tự thủ, năm châu
thiên tải sự nghi truyền.*

Tạm dịch:

Từng bao phen buôn bán lại qua, Gia
Khánh năm đầu dân mới hội

Nay về sau vui buồn gặp gỡ, năm châu
ngàn thuở việc nên truyền.”

(Khiếu Năng Tĩnh: 112)

Gia Khánh là niên hiệu của triều Thanh (1796-1820), trong đó “Gia Khánh sơ niên” tương ứng với năm 1796. Bên cạnh đó, dòng “lạc khoản” trong bản thân tích của hội quán Phúc - Triều - Huệ cũng cho biết công trình này được xây dựng muộn nhất là trước năm 1797: “Bấy giờ là ngày tốt tháng 2 năm Đinh Tỵ niên hiệu Gia Khánh năm thứ 2 (1797)... kính viết sự việc tại hành lang bên tả của hội quán Phúc - Triều - Huệ” (Song Thọ 2012: 47).

Ngoài khu vực thành phố, trong thời kỳ này còn ghi nhận sự hiện diện của người Hoa tại một số địa phương khác trong tỉnh Nam Định cũ. Tư liệu cho biết vào giữa thế kỉ XVIII, một bộ phận người Hoa thuộc dòng họ Tiêu từ tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) đã di cư đến làng Hoàn Nha, huyện Giao Thủy cũ (nay là xã Giao Tiến, tỉnh Ninh Bình) sinh sống (Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh Nam Định 2003: 158). Bên cạnh đó, hai cuốn địa phương chí cũng chép rằng chùa Phúc Lâm ở xã Quần Phương Thượng, tổng Quần Phương, huyện Hải Hậu cũ là do người Hoa dựng lên, ban đầu thờ Nam Hải Quan Âm Bồ Tát (Khiếu Năng Tĩnh: 119, 149; Nguyễn Ôn Ngọc: 48). Mặc dù các tư liệu không ghi rõ niên đại xây dựng chùa song căn cứ vào bối cảnh lịch sử có thể suy đoán ngôi chùa được dựng lên trước thời Lê mạt, tức trước nửa sau thế kỉ XVIII.

Từ những tư liệu trên có thể thấy, trong thế kỉ XVII - XVIII, người Hoa di cư đến Nam Định cũ với số lượng lớn và phân bố tại nhiều địa bàn khác nhau, bao gồm khu vực thành phố và các huyện: Trực Ninh, Giao Thủy và Hải Hậu cũ. Trong đó, thành phố Nam Định cũ là nơi tập trung đông người Hoa di cư nhất.

Cộng đồng này đã xây dựng nhiều đền, chùa, hội quán và qua đó đánh dấu rõ nét sự du nhập, định hình và phát triển của tín ngưỡng thờ Thiên Hậu tại tỉnh Nam Định cũ.

5. Giai đoạn thế kỉ XIX - XX

Bước sang thế kỉ XIX, cùng với sự mở rộng hoạt động thương mại của các nước phương Tây tại khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, Vị Hoàng vẫn duy trì được vai trò là một trung tâm thương nghiệp và thủ công nghiệp quan trọng. Nhờ vị trí thuận lợi và hệ thống giao thông đường thủy phát triển, khu vực này tiếp tục thu hút người Hoa đến sinh sống và làm ăn. Đến nửa cuối thế kỉ XIX, tại Trung Quốc liên tiếp xảy ra những biến động lớn như cuộc nội loạn Thái Bình Thiên Quốc (1851 - 1864) và chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895), tạo ra làn sóng di cư mạnh mẽ ra bên ngoài. Ở Việt Nam, đây cũng là thời kỳ thuộc Pháp. Để phục vụ cho hai cuộc khai thác thuộc địa (lần thứ nhất từ năm 1897 đến 1914, lần thứ hai từ 1914 đến 1918), chính quyền thực dân đã ban hành nhiều chính sách nhằm thu hút lao động và thương nhân người Hoa. Năm 1884, Pháp chiếm Nam Định và nhanh chóng quy hoạch, xây dựng thành phố theo mô hình đô thị của phương Tây, với hệ thống công sở, dinh thự, kho tàng, bến bãi, điện, nước, đường nhựa, đường sắt đồng thời xây dựng nhiều nhà máy như nhà máy điện, nhà máy tơ, nhà máy rượu, đặc biệt là nhà máy dệt - cơ sở công nghiệp lớn nhất Đông Dương thời bấy giờ. Những điều kiện đó đã khiến người Hoa di cư đến Nam Định cũ ngày càng đông trong suốt thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX.

Theo ghi chép của Khiếu Năng Tĩnh, ngay từ đầu thế kỉ XIX, lớp người Hoa di cư đến Vị Hoàng đã dựng nên các hội quán làm nơi sinh hoạt tín ngưỡng và cộng đồng. Tác giả viết: “*Hội quán Phúc - Triều - Huệ và Việt Đông đều do Hoa kiều dựng lên, làm nơi tụ hội và bàn việc lễ bái của họ. Hội quán Việt Đông*

có sau hội quán Phúc - Triều - Huệ, xây dựng theo kiểu hiện nay là do Ma Chính Tráng khởi xướng, tại quả chuông gang khắc chữ năm Đạo Quang thứ 4 (1824) khánh thành” (Khiếu Năng Tĩnh: 112).

Đến cuối thế kỉ XIX, lớp di dân người Hoa tiếp tục tham gia vào việc tu sửa các cơ sở tín ngưỡng. Khiếu Năng Tĩnh ghi nhận: “Đền Thợ Mộc: Đền thuộc phố An Lạc, do đám thợ mộc ở huyện Vọng Doanh dựng lên từ thời Minh Mệnh. Đến năm gần đây thì do đám họ Thái ở Trương Dương, họ Vương ở xã Minh Hương tu sửa lại” (Khiếu Năng Tĩnh: 113). Mặc dù tư liệu không đề cập chính xác thời điểm tu sửa, song căn cứ vào niên đại biên soạn cuốn *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược* khi tác giả đang giữ chức Đốc học Nam Định (1882-1885) - có thể suy đoán việc tu sửa diễn ra muộn nhất là trước năm 1885. Việc người Hoa giữ vai trò chủ yếu trong hoạt động tu bổ cho thấy sự gắn bó của cộng đồng này với không gian tín ngưỡng đô thị Nam Định.

Cũng trong thời kỳ này, người Hoa tiếp tục mở rộng các thiết chế cộng đồng của mình. Khiếu Năng Tĩnh cho biết: “*Hội quán Phúc Triều Huệ ở phố Vĩnh Ninh trước đã có nhưng nhỏ, đến quãng năm Quang Tự Canh Dần (1890) thì xây to lên, trong thờ Thiên Hậu, Hà Bá và Quan Công. Vào các ngày rằm tháng Giêng, Thanh minh, Trùng cửu là đông nhất, cuối năm ngày 30 có treo đèn lồng, mùng 2 năm sau thì đấu giá, ai mua được thì làm lễ mừng và khao hạ ở nhà... Cùng năm Quang Tự còn xây trường học”* (Khiếu Năng Tĩnh: 112). Đoạn ghi chép không chỉ phản ánh quá trình mở rộng hội quán mà còn cung cấp thông tin về hệ thống thần linh được thờ phụng, các lễ tiết thường niên cũng như việc thành lập trường học, cho thấy đời sống tín ngưỡng, văn hóa và giáo dục của cộng đồng người Hoa tại Nam Định đã phát triển tương đối đầy đủ vào cuối thế kỉ XIX.

Giai đoạn này, về sinh kế, ngoài một bộ phận tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực thương nghiệp, nhiều người Hoa còn làm công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp hoặc tham gia lao động xây dựng tuyến đường sắt Hà Nội - Nam Định cho Pháp. Tư liệu Hán Nôm địa phương cho thấy, riêng lực lượng Hoa thương buôn bán đường thủy trong giai đoạn này đã khá đông đảo. Một tài liệu còn ghi rõ tên các thuyền buôn của người Hoa, người Việt và người châu Âu, qua đó cho thấy sự áp đảo về số lượng thuyền buôn của Hoa thương so với thương nhân phương Tây (Khiếu Năng Tĩnh: 154-155). Ngoài ra, tư liệu Hán Nôm của địa phương còn ghi nhận số đình người Hoa ở TP. Nam Định vào cuối thế kỉ XIX là 1.073 người, so với 23.355 người Việt (Khiếu Năng Tĩnh: 154). Mặc dù con số này chưa phản ánh đầy đủ quy mô dân số của toàn bộ cộng đồng người Hoa, song sự hiện diện của hai hội quán, trường học cùng mạng lưới buôn bán rộng khắp cho thấy cộng đồng này đã đạt đến quy mô đáng kể và giữ vai trò nhất định trong đời sống kinh tế - xã hội của đô thị Nam Định lúc bấy giờ.

Tóm lại, thế kỉ XIX là giai đoạn người Hoa di cư đến Nam Định cũ đông nhất, tập trung chủ yếu ở khu vực thành phố và gắn chặt với quá trình đô thị hóa dưới thời Pháp thuộc. Sang cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX, cùng với sự xuất hiện và phát triển của cảng Hải Phòng (từ 1875), vai trò của Nam Định với tư cách là một cảng sông dần suy giảm. Điều này đã dẫn tới xu hướng dịch chuyển của người Hoa sang các trung tâm kinh tế mới, khiến cộng đồng người Hoa ở Nam Định nói riêng và ở đồng bằng Bắc Bộ nói chung giảm sút rõ rệt trong khi dân số người Hoa ở Hải Phòng gia tăng nhanh chóng.

Kết luận

Qua việc khảo cứu tư liệu Hán Nôm của Nam Định cũ, có thể thấy sự hiện diện của người Hoa tại vùng đất này là một quá trình

lịch sử lâu dài, liên tục và đa dạng, kéo dài từ trước Công nguyên đến đầu thế kỉ XX. Các đợt di cư diễn ra trong những bối cảnh lịch sử khác nhau, với thành phần và mục đích không đồng nhất đã góp phần tạo nên một bức tranh nhiều chiều về quá trình di cư, định cư và thích ứng của cộng đồng người Hoa trong không gian xã hội - văn hóa địa phương.

Tư liệu Hán Nôm cho thấy, trong quá trình sinh sống tại tỉnh Nam Định cũ, người Hoa đã tham gia sâu vào nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa. Họ góp phần hình thành các khu cư trú, làng xóm và chợ búa; tham gia phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp như dệt, mộc, rèn; đồng thời xây dựng các cơ sở tín ngưỡng như chùa, đền và hội quán. Cùng với đó là sự du nhập và thực hành các tín ngưỡng, tôn giáo đặc trưng như Phật giáo, tục thờ Tổng Hậu, Quan Công và Thiên Hậu. Đáng chú ý, một số cá nhân người Hoa không chỉ được ghi nhận vì đóng góp kinh tế mà còn được cư dân sở tại tôn vinh, thờ phụng, phản ánh mức độ hòa nhập và gắn bó tương đối bền chặt giữa cộng đồng người Hoa với những nơi họ di cư đến, đặc biệt tại các trung tâm đô thị như Vị Hoàng - trung tâm thương mại quan trọng của Sơn Nam Hạ.

Mặc dù còn có tính chất rời rạc, không đồng đều về niên đại và đôi khi chịu ảnh hưởng bởi quan điểm của người biên soạn, hệ thống tư liệu Hán Nôm địa phương vẫn là nguồn sử liệu có giá trị đặc biệt trong việc phục dựng lại lịch sử người Hoa ở Nam Định. Những ghi chép này không chỉ cung cấp tư liệu về thời điểm, địa điểm và quy mô các đợt di cư mà còn góp phần làm rõ các hình thức giao lưu văn hóa, sự hình thành và phát triển đô thị, vai trò của thương nhân và thủ công nghiệp, cũng như quá trình giao thoa tín ngưỡng giữa người Hoa và người Việt qua nhiều thế kỉ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này

góp phần bổ sung một lát cắt quan trọng vào bức tranh lịch sử di cư và cấu trúc văn hóa - xã hội của vùng đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời gợi mở hướng tiếp cận mới trong việc khai thác tư liệu Hán Nôm nhằm nghiên cứu các cộng đồng di cư và quá trình tương tác văn hóa ở Việt Nam trong lịch sử./.

Tài liệu tham khảo

1. Khiếu Quang Bảo (2009), "Tế tửu Quốc Tử Giám Khiếu Năng Tĩnh: Người hai lần làm Đốc học Hà Nội", đăng trên <https://hanoimoi.vn/te-tuu-quoc-tu-giam-khieu-nang-tinh-nguoi-hai-lan-lam-doc-hoc-ha-noi-226147.html>, ngày 14/12, truy cập ngày 21/6/2024.
2. Lương Hà (2025), "Công trình kiến trúc độc đáo của người Hoa ở Nam Định", đăng trên <https://laodong.vn/du-lich/kham-pha/cong-trinh-kien-truc-doc-dao-cua-nguoi-hoa-o-nam-dinh-1491355.html>, ngày 15/4, truy cập ngày 06/8/2025.
3. Trần Thị Thái Hà (2011), "Quá trình tụ cư của người Hoa ở Nam Định", Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 9, tr.52-60.
4. Châu Hải (1992), *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Huy (1993), *Người Hoa tại Việt Nam*, Nxb. NO, P.O. Box 3492. Costa Mesa. CA 92628. USA
6. Trần Khánh (2001), "Sự hình thành cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thế kỉ XVII- XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 5, tr.39-47.
7. Trần Khánh (2002), *Người Hoa trong xã hội Việt Nam (thời Pháp thuộc và dưới chế độ Sài Gòn)*, Nxb. Khoa học xã hội.
8. Trần Kiệt (2024), "Trăm năm thương nhớ sùu châu, xúu páo", đăng trên <https://giaoducthoidai.vn/tram-nam-thuong-nho-suu-chau-xuu-pao-post706778.html>, ngày 04/11, truy cập ngày 12/5/2025.
9. Vũ Đường Luân (2009), *Quá trình hình thành cảng thị Hải Phòng (từ khởi nguồn đến năm 1888)*, Luận văn Thạc sĩ khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&VN, Đại học Quốc Gia, Hà Nội.

10. Phan Thị Hoa Lý, Bùi Thị Thiên Thai (2022), "Giao lưu văn hóa trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở miền Bắc Việt Nam - Trường hợp đền Xuân Quang", tham luận đăng trong kỉ yếu hội thảo quốc tế: *Tín ngưỡng Thiên Hậu và giao lưu Đông Á Quan Độ cung*, do Khoa lịch sử, Đại học Văn hóa Trung Quốc phối hợp cùng Quan Độ cung tổ chức từ ngày 30/9 đến 2/10/2022 (online + offline, tr. 13-23).
11. Vũ Ngọc Lý (1997), *Thành Nam xưa*, Sở Văn hóa thông tin Nam Định xuất bản.
12. Nguyễn Hồng Mao (1997), "Thần tích đền Thiên Hậu (dấu tích xã Minh Hương xưa), in trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1996*, Nxb. Khoa học xã hội, tr.523-525.
13. Tâm Minh (2023), "Dấu ấn ẩm thực người Hoa trên phố cổ Thành Nam xưa", đăng trên <https://namdinhdattvanguoi.vn/amthucnguoihoa/>, ngày 22/3, truy cập ngày 12/5/2025.
14. Nguyễn Ôn Ngọc (1893), *Nam Định địa dư chí*, Phòng Địa chí Thư viện tỉnh Nam Định dịch, 1997, bản đánh máy khổ A4, lưu tại Thư viện tỉnh.
15. Nguyễn Quang Ngọc (2023), "Bắc thuộc và chống Bắc thuộc: Những dấu tích văn hóa vật chất", đăng trên <https://his.ussh.vnu.edu.vn/vi/news/bui-minh-hanh/bac-thuoc-va-chong-bac-thuoc-nhung-dau-tich-van-hoa-vat-chat-5777.html>, ngày 10/8, truy cập ngày 16/9/2025
16. Quốc sử quán triều Nguyễn (1856-1881), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Viện Sử học dịch (1957-1960), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, bản điện tử do Lê Bắc điều hợp, 2001.
17. Thành ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân Tp. Nam Định (2012), *Thành Nam - địa danh và giải thoại*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
18. Song Thọ (2012), *Đền Hàng Sắt Dưới di sản văn hóa Thành Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
19. Đỗ Đình Thọ (2006), *Văn hóa ẩm thực tỉnh Nam Định*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
20. Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh Nam Định (2003), *Địa chí Nam Định*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Khiếu Năng Tĩnh, *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*, Dương Văn Vượng dịch, Phòng Địa chí - Thư mục, Thư viện tỉnh Nam Định chỉnh lí, chế bản, 2000.
22. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
23. Hoa Xuân (2015), "Độc đáo món mì văn thần của gia đình người Hoa ở thành phố Nam Định", đăng trên <https://baonamdinh.vn/channel/5100/201508/doc-dao-mon-mi-van-than-cua-gia-dinh-nguoi-hoa-o-thanh-pho-nam-dinh-2431999/>, ngày 01/8, truy cập ngày 12/5/2025.

TS. Phan Thị Hoa Lý
Viện Nghiên cứu Văn hóa
